

Bản án số:39/2023/HNGĐST
Ngày 18/09/2023
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Xuân Thắng và ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Hoài Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 09 năm 2023 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2023/TLST – HNGĐ, ngày 31 tháng 07 năm 2023, về việc “*kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 09 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Hoàng Minh T1 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Phạm Thị T trình bày:

Bà T và Ông Hoàng Minh T1 sau một thời gian tự nguyện tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E vào ngày 27/03/2015. Trong thời gian chung sống với nhau có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính nhau từ đó giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra xung đột, xúc phạm, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau trong cuộc

sống. Mặc dù bà T đã cố gắng để chung sống nuôi con nhưng tình cảm giữa vợ chồng vẫn không cải thiện được mà ngược lại ngày càng trầm trọng hơn, những lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì ông T1 có hành động bạo lực với bà T. Do không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Do đó bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà T được ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung là Hoàng Gia H, sinh ngày: 21/08/2017, hiện nay con chung đang ở với bà T tại phường T, thành Phố Đ, tỉnh Bình Phước. Nguyên vọng của của bà T là được nuôi con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết *Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hoàng Minh T1 trình bày:*

Ông T1 hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của Bà Phạm Thị T về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn. Ông T1 xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể chung sống với nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2022 đến nay, ai biết bốn phận người đó, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Nay Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông T1 đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: ông T1 xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Gia H, sinh ngày: 21/08/2017, hiện nay con chung đang sống với mẹ Phạm Thị T, nguyên vọng của ông T1 là được quyền nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương như sau: Ông T1, Bà T là vợ chồng và có đăng ký thường trú tại thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống tại địa phương giữa bà T và ông T1 xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính là xuất phát từ kinh tế, ông T1 không chịu khó làm ăn, hiện nay ông T1 không có công việc ổn định.

Phản tranh luận: Các đương sự giữ nguyên quan điểm, ông T1 và bà T thỏa thuận thuận tình ly hôn, về con chung cả ông T1 và bà T đều có nguyện vọng được nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung các đương sự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa; nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Do yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ, nên đề nghị HĐXX chấp nhận, xử cho Bà Phạm Thị T ly hôn với ông Hoàng Minh T1. Giao con chung là Hoàng Gia H, sinh ngày 21/08/2017 cho Bà Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về Tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết việc hôn nhân, con chung đối với ông Hoàng Minh T1, đơn khởi kiện của bà T được Tòa án nhân dân huyện EaKar xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Minh T1 và Bà Phạm Thị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/03/2015. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Qua xác minh tại địa phương và lời trình bày của Bà T và ông T1 thì vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, xúc phạm nhau, thiếu tôn trọng lẫn nhau trong cuộc sống. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T1 và bà T thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy HĐXX chấp nhận và ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị T và ông Hoàng Minh T1.

[3] Về con chung: Bà T và Ông T1 có 01 con chung là Hoàng Gia H, sinh ngày 21/08/2017. Cả hai đương sự đều có nguyện vọng nuôi con. Xét thấy hiện nay cháu Hoàng Gia H đang sinh sống và học tập ổn định tại phường T, thành phố Đ tỉnh Bình Phước cùng với bà T. Căn cứ vào kết quả xác minh nhận thấy ông T1 chưa có nghề nghiệp ổn định, mặt khác hiện nay con chung đang còn nhỏ. Để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về tâm, sinh lý, tránh sự đảo lộn cuộc sống cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao con chung cho bà Phạm Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn Bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về Hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa Bà Phạm Thị T và ông Hoàng Minh T1.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Gia H, sinh ngày: 21/08/2017 cho Bà Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Các đương sự được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên các đương sự không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà Bà T đã nộp tạm ứng án phí, theo biên

lai thu tiền số AA/2022/0001214 ngày 31/07/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị T, bị đơn ông Hoàng Minh T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Chi cục T.H.A DS huyện Ea Kar;
- UBND xã E, huyện E.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Long